

Số : 175... /BCKT/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Phát Hành Sách TP.HCM-FAHASA
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Phát Hành Sách TP.HCM-FAHASA
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Phát Hành Sách TP.HCM-FAHASA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Phát Hành Sách TP.HCM-FAHASA, được lập ngày 05 tháng 3 năm 2018 từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Phát Hành Sách TP.HCM-FAHASA tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 22... tháng 03... năm 2018

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc

**LÊ VĂN TUẤN**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

LÊ KIM NGỌC

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0181-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu (1)	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	(2)	(3)	(4)	(5)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		805.401.275.745	702.317.317.603
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25.201.145.232	52.579.143.636
1. Tiền	111	1	25.201.145.232	52.579.143.636
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		237.683.811.492	170.056.463.214
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2	237.683.811.492	170.056.463.214
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.224.661.943	59.170.982.396
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	54.496.710.109	54.675.706.483
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	6.481.567.944	4.114.308.196
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5	313.645.279	1.448.229.106
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	6	(1.067.261.389)	(1.067.261.389)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		478.698.543.163	417.047.266.300
1. Hàng tồn kho	141	7	478.698.543.163	417.047.266.300
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.593.113.915	3.463.462.057
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	3.105.460.228	2.975.808.370
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	9	487.653.687	487.653.687
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.906.749.149	47.738.542.975
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.687.722.895	8.363.082.133
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	10	10.687.722.895	8.363.082.133
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu (1)	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	(2)	(3)	(4)	(5)
II. Tài sản cố định	220		33.567.993.254	35.724.427.842
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	23.794.375.754	26.135.256.987
- Nguyên giá	222		87.178.621.833	84.038.355.933
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(63.384.246.079)	(57.903.098.946)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	9.773.617.500	9.589.170.855
- Nguyên giá	228		11.352.239.360	11.018.189.360
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.578.621.860)	(1.429.018.505)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.651.033.000	3.651.033.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	3.651.033.000	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			3.651.033.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		853.308.024.894	750.055.860.578



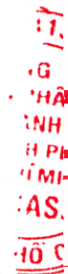
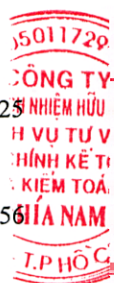
32
31
C
C
T
H
H
H
FA
TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu (1)	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	(2)	(3)	(4)	(5)
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		708.611.428.419	611.790.290.910
I. Nợ ngắn hạn	310		707.901.940.919	611.065.290.910
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	665.980.727.737	571.192.921.168
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	2.585.503.020	1.929.559.614
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.643.448.287	6.314.401.558
4. Phải trả người lao động	314	17	31.857.012.610	27.383.776.489
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.788.592.353	1.874.778.725
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	2.046.656.912	2.369.853.356
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		709.487.500	725.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	20	193.000.000	125.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	21	516.487.500	600.000.000



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu (1)	Mã số (2)	Thuyết minh (3)	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2017 (4)	Năm 2016 (5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	2.737.029.212.379	2.399.799.564.630
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2	64.853.513.178	54.024.075.124
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		2.672.175.699.201	2.345.775.489.506
4. Giá vốn hàng bán	11	3	2.093.991.880.191	1.825.139.322.709
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		578.183.819.010	520.636.166.797
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	11.947.516.526	15.081.468.422
7. Chi phí tài chính	22		0	
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25	5	510.812.353.090	464.738.272.067
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6	54.782.298.352	50.202.143.595
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(25+26))	30		24.536.684.094	20.777.219.557
11. Thu nhập khác	31	7	1.470.825.196	2.356.504.433
12. Chi phí khác	32	8	1.146.961	102.267.389
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		1.469.678.235	2.254.237.044
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40)	50		26.006.362.329	23.031.456.601
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9	5.230.072.466	4.563.521.320
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50-51-52)	60		20.776.289.863	18.467.935.281
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	10	2.281	3.023
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

TP. HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Huỳnh Thị Ngọc Linh

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Huyền

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Chuẩn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Tiền thu từ bán hàng, CCDV và DT khác	01		2.156.025.120.835	1.922.798.977.838
2. Tiền chi trả cho người CC hàng hóa, DV	02		(1.668.047.244.104)	(1.519.764.020.617)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(93.856.775.794)	(122.927.678.704)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(8.364.858.140)	(4.610.137.894)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		27.490.403.400	26.921.983.793
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(369.604.404.545)	(362.831.119.369)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		43.642.241.652	(60.411.994.953)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.525.629.256)	(8.742.717.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		61.969.000	88.255.052
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(350.000.000.000)	(263.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		283.000.000.000	336.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.048.458.345	14.219.891.207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(60.415.201.911)	78.565.429.077
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	31.094.742.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.605.038.145)	(8.506.496.595)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.605.038.145)	22.588.245.405
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(27.377.998.404)	40.741.679.529
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52.579.143.636	11.837.464.107
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		25.201.145.232	52.579.143.636

Người lập biểu



Huỳnh Thị Ngọc Linh

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Huyền

TP.HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Chuẩn